

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

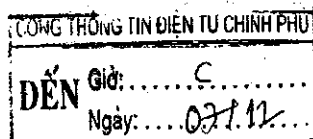
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36 /2016/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 01 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí dân cư
trên địa bàn tỉnh Cà Mau**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020";

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 454/TTr-SNN ngày 04 tháng 11 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức hỗ trợ về nhà ở, di chuyển người và tài sản, khai hoang, lương thực (thời gian đầu tại nơi tái định cư), nước sinh hoạt để ổn định đời sống cho người dân, theo khoản 1, Điều 10 Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020".

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 5 Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020”; cụ thể như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ thuộc các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

a) Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở, đất sản xuất do sạt lở, lũ quét, lũ ống, sụp lún đất, tố, lốc;

b) Hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, lũ quét, lũ ống, sụp lún đất, ngập lũ, tố, lốc, sóng thần, xâm nhập mặn, nước biển dâng;

c) Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn về đời sống như: thiếu đất sản xuất, thiếu nước sản xuất và nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng, du cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước, tác động phóng xạ, ô nhiễm môi trường;

d) Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền, khu kinh tế quốc phòng, hải đảo;

đ) Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong cả nước không theo quy hoạch bố trí dân cư, đời sống còn khó khăn;

e) Hộ gia đình, cá nhân hiện đang sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí ổn định lâu dài, gắn với bảo vệ và phát triển rừng.

2. Cộng đồng dân cư nơi bố trí ổn định dân cư

a) Cộng đồng dân cư vùng tiếp nhận hộ tái định cư tập trung;

b) Cộng đồng dân cư vùng tiếp nhận hộ dân xen ghép;

c) Cộng đồng dân cư vùng bố trí ổn định dân cư tại chỗ.

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ di chuyển

Hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ (hai mươi triệu đồng) đối với hộ di chuyển nội vùng dự án; 23 triệu đồng/hộ (hai mươi ba triệu đồng) đối với hộ di chuyển trong tỉnh nhưng ngoài vùng dự án; 25 triệu đồng/hộ (hai mươi lăm triệu đồng) đối với hộ di chuyển ngoài tỉnh; 10 triệu đồng/hộ (mười triệu đồng) đối với hộ di cư tự do được bố trí vào vùng quy hoạch khu tái định cư.

2. Hỗ trợ lương thực

Hỗ trợ thêm 12 tháng (mười hai tháng) lương thực cho hộ gia đình bị mất nhà ở, đất ở, đất sản xuất do thiên tai theo mức tương đương 30kg gạo/người/tháng (ba mươi kg).

3. Hỗ trợ khai hoang

Trường hợp các hộ di chuyển đến nơi ở mới phải khai hoang đồng ruộng, được hỗ trợ 15 triệu đồng/ha (mười lăm triệu đồng).

4. Hỗ trợ về nhà ở

Đối với hộ ở vùng có nguy cơ thiên tai, nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ mức hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ (mười triệu đồng) để sửa chữa, nâng cấp nhà ở.

5. Hỗ trợ về nước sinh hoạt

Đối với hộ di chuyển đến nơi ở mới chưa có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung, được hỗ trợ nước sinh hoạt mỗi người 03m³/tháng (ba mét khối) và không quá 12 tháng (mười hai tháng) theo mức giá quy định của địa phương tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 3. Nguồn vốn hỗ trợ

1. Ngân sách Trung ương (nguồn vốn sự nghiệp kinh tế) bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thực hiện Chương trình bố trí dân cư.

2. Ngân sách địa phương thực hiện Chương trình bố trí dân cư.

3. Vốn lồng ghép của các chương trình, dự án trên địa bàn.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quyết định này đến các tổ chức có liên quan, cộng đồng dân cư và người dân trên địa bàn tỉnh biết để thực hiện; làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Quyết định này.

b) Xây dựng kế hoạch kinh phí và tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ hàng năm gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau

a) Sở Tài chính phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ hàng năm theo dự toán của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện Quyết định này trên địa bàn quản lý.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nông nghiệp và PTNT);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh (VIC);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Báo, Đài, Công TTĐT tỉnh (đăng, phát nội dung);
- LĐVP UBND tỉnh;
- PNN-TN;
- Lưu: VT, Ktr65/11.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử